

FACTORS AFFECTING THE CHOICE OF LIVELIHOOD APPROACH OF PEOPLE IN DON DUONG DISTRICT, LAM DONG PROVINCE

Phan Minh Duc*, Nguyen Van Bac, Do Trong Hoai, Vu Tuan Anh, Hoang Mai Phuong
Dalat University

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 27/9/2022 Revised: 22/11/2022 Published: 22/11/2022	This article focuses on understanding the choice of livelihood approach of households in Don Duong district, Lam Dong province. The research methods used in this study are (1) qualitative to discover and identify research variables; and (2) quantitative to estimate, test the model, and present research data by Descriptive Statistics and Binary Logistic Regression. Research data were collected from direct interviews with 200 households in rural areas of Don Duong district by proportional stratified probability sampling method and processed by SPSS 22.0 software. Research results show that there are 4 factors affecting the choice of livelihood approaches. These factors affect the choice of purely agricultural or non-agricultural livelihood methods for households in Don Duong district, in order of importance, respectively: (1) occupation of the head of household, (2) Ethnicity, (3) Loan capital, and, (4) education level of the head of household. Based on the research outcome, the authors propose some suggestions to help local authorities have additional scientific bases in issuing appropriate policies to develop sustainable livelihoods for the people in the district.
KEYWORDS Policy Don Duong district Livelihood Sustainable livelihood Households	

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LỰA CHỌN PHƯƠNG THỨC SINH KẾ CỦA NGƯỜI DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

Phan Minh Đức*, Nguyễn Văn Bắc, Đỗ Trọng Hoài, Vũ Tuấn Anh, Hoàng Mai Phương
Trường Đại học Đà Lạt

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 27/9/2022 Ngày hoàn thiện: 22/11/2022 Ngày đăng: 22/11/2022	Bài viết này tập trung tìm hiểu việc lựa chọn phương thức sinh kế của các hộ gia đình ở huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong nghiên cứu này gồm (1) định tính nhằm khám phá và xác định các biến nghiên cứu; và (2) định lượng nhằm ước lượng, kiểm định mô hình, trình bày dữ liệu nghiên cứu bằng thống kê mô tả và kỹ thuật hồi quy Binary Logistic. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ việc phỏng vấn trực tiếp 200 hộ gia đình ở khu vực nông thôn trên địa bàn huyện Đơn Dương bằng phương pháp chọn mẫu xác suất phân tầng theo tỷ lệ và được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 4 yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn phương thức sinh kế. Các yếu tố đó tác động đến sự lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông hay không thuần nông cho các hộ gia đình tại huyện Đơn Dương theo thứ tự tầm quan trọng, lần lượt là: (1) nghề nghiệp của chủ hộ, (2) Dân tộc, (3) Vốn vay, và (4) trình độ học vấn của chủ hộ. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra một số đề xuất nhằm giúp chính quyền địa phương có thêm cơ sở khoa học trong việc ban hành các chính sách phù hợp nhằm phát triển sinh kế bền vững cho người dân trong huyện.
TỪ KHÓA Chính sách Huyện Đơn Dương Sinh kế Sinh kế bền vững Hộ gia đình	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.6570>

* Corresponding author. Email: ducpm@dlu.edu.vn

1. Giới thiệu

Sinh kế được hiểu đơn giản là phương tiện đảm bảo đời sống của con người. Có thể xem xét sinh kế ở các mức độ khác nhau nhưng phổ biến nhất là sinh kế hộ gia đình, hộ nông dân. Cho đến nay, đã có nhiều nghiên cứu sinh kế được thực hiện [1] - [3]. Các công trình này đã cung cấp nhiều khung lý thuyết với các khái niệm, thuật ngữ, phương pháp tiếp cận khác nhau.

Từ những năm 80 của thế kỷ XX, Cục phát triển quốc tế Anh (DFID) [3] đã xây dựng khung phân tích sinh kế bền vững nhằm giúp người sử dụng nắm được những khía cạnh khác nhau của các loại hình sinh kế, đặc biệt là những yếu tố làm nảy sinh vấn đề hay những yếu tố tạo cơ hội. Khung sinh kế cung cấp phương pháp tiếp cận để hiểu con người kiếm sống như thế nào. Nó có thể được sử dụng như một bảng hướng dẫn bao gồm một loạt các vấn đề quan trọng đối với sinh kế, hoặc được điều tra một cách chặt chẽ trong tất cả các khía cạnh của nó [4]. Các điểm quan trọng khi phân tích sinh kế đó là đưa ra một bối cảnh cụ thể (các thiết lập chính sách, chính trị, lịch sử, sinh thái nông nghiệp và các điều kiện kinh tế - xã hội). Phương thức sinh kế là sự kết hợp các nguồn lực sinh kế (thâm canh/quảng canh, đa dạng hóa sinh kế và di cư). Do đó, khung phân tích đã nêu bật năm yếu tố quan trọng: hoàn cảnh, nguồn lực, tổ chức, phương thức, và kết quả [5]. Trong bối cảnh năng động, hoàn cảnh lịch sử, các nguồn sinh kế khác nhau sẽ được sắp xếp và kết hợp tạo ra các chiến lược sinh kế khác nhau.

Trong những năm gần đây, trước những nguy cơ ngày một gia tăng của việc biến đổi khí hậu, cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, dịch bệnh..., vấn đề chuyển đổi và tạo lập sinh kế bền vững cho các hộ dân ở khu vực nông thôn ngày càng nhận được sự quan tâm của nhiều nhà khoa học đến từ các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam [6] - [9]. Vấn đề sinh kế của các hộ dân ở Lâm Đồng gần đây cũng đã được giới học giả lưu tâm, khởi đầu là từ góc nhìn xã hội học [10].

Đơn Dương là một huyện nằm ở phía Đông của tỉnh Lâm Đồng, cách thành phố Đà Lạt 40 km, với diện tích tự nhiên là 61.185,2 ha. Huyện có 10 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 08 xã và 02 thị trấn. Đơn Dương có địa hình đặc trưng của vùng núi bị chia cắt mạnh, có độ cao trung bình từ 1000 - 1100 m so với mực nước biển. Với những nguồn lực hiện có, có thể nói huyện Đơn Dương có nhiều tiềm năng trong việc phát triển kinh tế tổng hợp Công nghiệp – Thương mại, Dịch vụ, sản xuất Nông - Lâm nghiệp – Du lịch. Tuy nhiên, người dân trong huyện cũng gặp không ít khó khăn trong việc khai thác sử dụng đất trong sản xuất Nông - Lâm nghiệp do nguồn nước phân bố không đều và địa hình nhiều đồi dốc.

Trên thực tế, cho đến nay, Đơn Dương vẫn là một huyện thuần nông, đa số người dân sống phụ thuộc vào nghề nông. Chất lượng lao động còn thấp, dẫn đến thu nhập bình quân đầu người còn chưa cao, đặc biệt là ở những vùng khó khăn. Chính vì vậy, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn phương thức sinh kế cho người dân huyện Đơn Dương là rất cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp cơ sở khoa học cho chính quyền địa phương trong việc đề ra các chính sách hỗ trợ, định hướng nhằm cải thiện thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn, đáp ứng nhu cầu phát triển sinh kế bền vững.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng nhằm khám phá và xác định các biến nghiên cứu phù hợp với bối cảnh nghiên cứu. Phương pháp nghiên cứu định lượng nhằm ước lượng, kiểm định mô hình và trình bày dữ liệu nghiên cứu bằng thống kê mô tả và kỹ thuật hồi quy Binary Logistic nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn phương thức sinh kế của các hộ dân tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Mẫu nghiên cứu được xác định theo phương pháp phân tầng theo tỷ lệ. Huyện Đơn Dương có 10 xã, thị trấn; trong mỗi xã, thị trấn chọn 01 thôn mang tính đại diện để điều tra 20 hộ theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên; do đó, cỡ mẫu trong nghiên cứu này là 200 hộ gia đình. Mô hình nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở suy diễn từ các lý thuyết và mô hình đã có sẵn, sau đó được kiểm định thông qua các kỹ thuật thống kê.

Kế thừa thành tựu của các nhà nghiên cứu trước [11] - [14], nhóm tác giả đã nhận diện 7 yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn sinh kế. Qua khảo sát thực tế, nhóm nghiên cứu thiết lập mô hình nghiên cứu ở khu vực nông thôn huyện Đơn Dương như sau:

$$\ln Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + \beta_7 X_7 \quad (1)$$

Trong đó: Biến phụ thuộc Y (PhuongthucSK) là phương thức sinh kế (thuần nông hay không thuần nông), các biến: X1, X2, X3, X4, X5, X6, X7 là các biến độc lập.

Các biến được định nghĩa, căn cứ chọn biến và kỳ vọng dấu được nêu trong bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Diễn giải các biến độc lập trong mô hình

Biến số	Diễn giải	Căn cứ chọn biến	Kỳ vọng dấu
Dân tộc	X1 Dân tộc Kinh nhận giá trị 0 và nhận giá trị 1 là dân tộc thiểu số	[15]	
Học vấn	X2 Tốt nghiệp THCS hoặc thấp hơn nhận giá trị 1 và nhận giá trị 0 nếu học THPT	[16]	+
Giới tính	X3 Giới tính nữ nhận giá trị 0 và nhận giá trị 1 là giới tính nam	[16]	-
Nghề nghiệp	X4 Thuần nông nhận giá trị 1 và nhận giá trị 0 nếu làm nghề khác	[15]	+
Diện tích đất	X5 Diện tích canh tác (1.000 m ²)	[17]	-
Vay vốn	X6 Số tiền vay (triệu đồng)	[18]	+
Số người phụ thuộc	X7 Số người không tạo ra thu nhập trong hộ	[16]	+

(Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp (2022))

3. Kết quả và bàn luận

Kết quả thống kê mô tả các phương thức sinh kế tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng ở bảng 2 cho thấy: nhóm hộ có phương thức sinh kế thuần nông chiếm ưu thế với 60%, tiếp đến là nhóm hộ nông nghiệp kết hợp phi nông nghiệp (NN) hỗn hợp và tự làm là 12,5%, nhóm hộ phi nông nghiệp tự làm là 10% và nhóm hộ nông nghiệp kết hợp làm thủ công chiếm tỷ lệ thấp nhất là 5%.

Bảng 2. Mô tả các phương thức sinh kế

Phương thức sinh kế	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Thuần nông	120	60
Phi NN tự làm	20	10
NN kết hợp phi NN hỗn hợp	25	12,5
NN kết hợp phi NN tự làm	25	12,5
NN kết hợp làm công	10	5,0
Tổng cộng	200	100

(Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp (2022))

Bảng 3. Mô tả thu nhập trung bình từ các phương thức sinh kế

Các nhóm sinh kế	Trung bình	N	Độ lệch chuẩn
Thuần nông	2,71	119	1,233
Phi NN tự làm	1,22	18	1,207
NN kết hợp phi NN hỗn hợp	2,6	24	1,403
NN kết hợp phi NN tự làm	3,05	22	1,511
NN kết hợp làm công	1,15	17	1,395
Tổng cộng	2,146	200	1,349

(Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp (2022))

Kết quả khảo sát trong bảng 3 cho thấy thu nhập bình quân của hộ từ các phương thức sinh kế. Trong đó, giá trị trung bình (Mean) thu nhập bình quân nhóm hộ nông nghiệp kết hợp phi nông nghiệp tự làm là cao nhất, với Mean = 3,05 (tương đương khoảng trên 300 triệu đồng/năm) với độ lệch chuẩn là 1,511. Thứ nhì là nhóm hộ thuần nông có thu nhập bình quân/năm với giá trị Mean = 2,71 (tương đương khoảng gần 300 triệu đồng/năm), độ lệch chuẩn là 1,233. Giá trị Mean của thu nhập bình quân của nhóm hộ nông nghiệp kết hợp phi nông nghiệp hỗn hợp là

2,146 (tương đương khoảng 250 triệu đồng/năm) với độ lệch chuẩn là 1,403. Giá trị Mean của thu nhập bình quân của nhóm hộ nông nghiệp kết hợp làm công là 1,15 (tương đương hơn 200 triệu đồng/năm) với độ lệch chuẩn là 1,395. Giá trị Mean của thu nhập bình quân của nhóm hộ phi nông nghiệp tự làm là 1,22 (tương đương khoảng hơn 150 triệu đồng/năm) với độ lệch chuẩn là 1,207. Trong khi giá trị Mean của thu nhập bình quân trong mẫu nghiên cứu là 2,146 (tương đương gần 250 triệu đồng/năm) với độ lệch chuẩn là 1,349.

Kết quả nghiên cứu trên cho thấy, có hai định hướng phương thức sinh kế mang lại thu nhập cao cho các hộ dân cần được quan tâm là Nông nghiệp kết hợp phi NN tự làm và Thuần nông.

Các kết quả kiểm định:

Kiểm định Omnibus cho thấy Sig. < 0,000 (độ tin cậy 99%). Như vậy, các biến độc lập có quan hệ tuyến tính với biến phụ thuộc trong tổng thể (mô hình lựa chọn là phù hợp). Hệ số R² Nagelkerke = 0,526, có nghĩa là 52,6% thay đổi của biến phụ thuộc được giải thích bởi các biến độc lập trong mô hình.

Kiểm định Wald cho biết mô hình có 4 biến (Dantoc, Hocvan, Nghenghiệp và Vonvay) đảm bảo có ý nghĩa thống kê. Các biến Gioitinh, Dientich, và Phuthuoc không có ý nghĩa thống kê (không ảnh hưởng đến sự lựa chọn phương thức sinh kế).

Kết quả phân tích hồi quy Binary Logistic ở bảng 4 chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông hay không thuần nông của các hộ dân tại huyện Đơn Dương, Lâm Đồng như sau:

Bảng 4. Kết quả phân tích hồi quy và mô phỏng xác suất

Biến số	Hệ số β	Std. Error	Hệ số Sig	Hệ số (Exp)	Mô phỏng xác suất khi biến độc lập thay đổi 1 đơn vị				
					10%	20%	30%	40%	50%
Hằng số (cont)	-0,128	1,991	0,949	0,88					
Dantoc	1,607	0,813	0,048	0,201	0,1515	0,2866	0,4078	0,5172	0,6164
Hocvan	0,29	0,092	0,002	0,749	0,0312	0,0676	0,1105	0,1620	0,2248
Gioitinh	0,575	0,488	0,239	0,563	0,0600	0,1256	0,1977	0,2771	0,3650
Nghenghiệp	1,664	0,746	0,026	0,189	0,1560	0,2937	0,4162	0,5259	0,6246
Dientich	0,008	0,028	0,785	1,008	0,0008	0,002	0,0034	0,0053	0,0079
Vonvay	1,12	0,052	0,028	0,896	0,1106	0,2187	0,3243	0,4275	0,5283
Phuthuoc	0,306	0,229	0,182	1,358	0,0328	0,0710	0,1159	0,1694	0,2343

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu bằng SPSS và Excel (2022))

Từ kết quả phân tích dữ liệu trong bảng 4, phương trình hồi quy thể hiện các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông hay không thuần nông của các hộ dân tại huyện Đơn Dương, Lâm Đồng được viết như sau:

$$Y = \log \left(O_0 = \frac{P_{(Y=1)}}{P_{(Y=0)}} \right) = -0,128 + 1,607Dantoc + 0,29Hocvan + 1,664Nghenghiệp + 1,22Vayvon \quad (2)$$

Với:

✓ $P_{(Y=1)} = P_0$: Xác suất chọn phương thức sinh kế không thuần nông.

✓ $P_{(Y=0)} = 1 - P_0$: Xác suất chọn phương thức sinh kế thuần nông.

Kết quả kiểm định tương quan từng phần của các hệ số hồi quy (Bảng 4) cho thấy cột ý nghĩa – Sig.

Biến Dantoc có Sig. = 0,048 < 0,05. Do đó, biến Dantoc tương quan có ý nghĩa với biến PhuongthucSK với độ tin cậy 95%.

Biến Hocvan có Sig. = 0,002 < 0,05. Do đó, biến Hocvan có tương quan có ý nghĩa với biến PhuongthucSK với độ tin cậy 95%.

Biến Nghenghiệp có Sig. = 0,026 < 0,05. Do đó, biến Nghenghiệp có tương quan có ý nghĩa với biến PhuongthucSK với độ tin cậy 95%.

Biến Vayvon có Sig. = 0,028 < 0,05. Do đó, biến Vayvon có tương quan có ý nghĩa với biến PhuongthucSK với độ tin cậy 95%.

Các biến Gioitinh, Dientich, Phuthuoc có Sig. > 0,05. Do đó, các biến này không có tương quan có ý nghĩa với biến PhuongthucSK với độ tin cậy 95%.

Sử dụng kết quả của cột hệ số hồi quy B và cột $\text{Exp}(B) = e^B$ trong bảng 4, phân tích các yếu tố ảnh hưởng theo kịch bản xác suất thay đổi khi xác suất ban đầu lần lượt là 10%, 20%, 30%, 40% và 50%. Đặt:

- ✓ P_0 : Xác suất lựa chọn phương thức sinh kế không thuần nông ban đầu;
- ✓ P_1 : Xác suất lựa chọn phương thức sinh kế không thuần nông thay đổi. P_1 được tính theo công thức sau:

$$P_1 = \frac{P_0 \cdot e^B}{1 - P_0(1 - e^B)} \quad (3)$$

Biến Dantoc: Giả sử xác suất lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông ban đầu là 10%. Khi các yếu tố khác không thay đổi, nếu một hộ thuộc người dân tộc thiểu số thì xác suất lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông của hộ này tăng lên thành 15,15%. Tương tự, nếu xác suất lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông ban đầu là 20%, 30%, 40%, 50% thì xác suất lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông của hộ này tăng lên lần lượt là 28,7%, 40,8%, 51,7%, 61,6%.

Biến Hocvan: Giả sử xác suất lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông ban đầu là 10%. Khi các yếu tố khác không thay đổi, nếu một hộ có trình độ học vấn là dưới Trung học cơ sở thì xác suất lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông của hộ này tăng lên thành 3,1%. Tương tự, nếu xác suất lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông ban đầu là 20%, 30%, 40%, 50% thì xác suất lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông của hộ này tăng lên lần lượt là 6,7%, 11%, 16%, 22%.

Biến Nghenghiệp: Giả sử xác suất lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông ban đầu là 10%. Khi các yếu tố khác không thay đổi, nếu một hộ có nghề nghiệp là thuần nông thì xác suất lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông của hộ này tăng lên thành 15,6%. Tương tự, nếu xác suất lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông ban đầu là 20%, 30%, 40%, 50% thì xác suất lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông của hộ này tăng lên lần lượt là 29,3%, 41,2%, 52,6%, 62,5%.

Biến Vonvay: Giả sử xác suất lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông ban đầu là 10%. Khi các yếu tố khác không thay đổi, nếu một hộ có vay vốn thì xác suất lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông của hộ này tăng lên thành 11,06%. Tương tự, nếu xác suất lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông ban đầu là 20%, 30%, 40%, 50% thì xác suất lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông của hộ này tăng lên lần lượt là 21,87%, 32,43%, 42,75%, 52,83%.

Kết quả nghiên cứu này khá tương đồng với kết quả của các nghiên cứu trước như nghiên cứu của Đinh Phi Hồ [15], Madajewicz [11],...

4. Định hướng giải pháp và kết luận

4.1. Định hướng giải pháp

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đề xuất hai định hướng cho người dân có phương thức sinh kế ổn định, góp phần phát triển kinh tế bền vững, tránh tính dễ bị tổn thương cho các hộ dân tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. *Một là*, thuần nông nhưng tập trung nguồn lực để đầu tư thành trang trại; *Hai là*, đa dạng hóa phương thức sinh kế có kết hợp nông nghiệp đặc biệt là phương thức sinh kế có kết hợp nông nghiệp và phi nông nghiệp tự làm. Phương thức sinh kế được định hướng tùy vào đặc điểm từng hộ và các loại vốn mà hộ đang sở hữu cũng như nghề nghiệp và học vấn của chủ hộ. Nghề nghiệp của chủ hộ ảnh hưởng đến lựa chọn sinh kế của cả hộ nên các nhà hoạch định chính sách cần ưu tiên tác động đến chủ hộ nhiều hơn. Chủ hộ được đào tạo nghề và tạo công ăn việc làm theo hướng đa dạng hóa sinh kế sẽ mang lại thu nhập cao và ổn định hơn, tác động tích cực đến đời sống của các thành viên trong hộ.

Theo định hướng thuần nông

Việc nâng cao và đồng bộ việc áp dụng khoa học công nghệ giúp cải thiện tình hình thiếu hụt lao động trong lĩnh vực nông nghiệp như hiện nay. Sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, trồng trọt kết hợp chăn nuôi theo hướng chuyên canh từng vùng cần được chú trọng. Tùy vào đặc điểm đất tự nhiên từng xã mà chính quyền cần định hướng trồng trọt và chăn nuôi sao cho hiệu quả nhất, khuyến khích các mô hình trang trại. Người dân nên mạnh dạn lựa chọn và thay đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi; thay đổi những cây trồng và vật nuôi có giá trị thấp bằng những cây trồng vật nuôi đem lại nguồn lợi cao, giá đầu ra ổn định. Các khu vực trồng cây lâu

năm, cây ăn trái cần được khảo sát lại diện tích để có kế hoạch cho đầu ra và chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp.

Các cơ quan chức năng cần khuyến khích các hộ dân tham gia các tổ chức xã hội như hội nông dân, câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, câu lạc bộ năng suất cao... nhằm chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, dễ dàng tuyên truyền và tập huấn chuyển giao công nghệ, cũng như phát động phong trào thi đua tạo động lực trong sản xuất, phát triển nông thôn. Để phát triển kinh tế tập thể, các công tác xây dựng và thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác cần được quan tâm chỉ đạo sát sao hơn; công tác tuyên truyền vận động cần được nâng cao để người dân tham gia nhiều hơn.

Theo định hướng không thuần nông

Những phương thức sinh kế có kết hợp nông nghiệp mang lại thu nhập khá cao và ổn định, tránh tính dễ bị tổn thương do điều kiện khí hậu thời tiết hay giá cả thị trường, cần được Ủy ban nhân dân xã và các cấp quan tâm định hướng cho người dân. Chính quyền cần tăng cường vận động và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế trên địa bàn huyện phát triển nhằm đáp ứng với nhu cầu phát triển kinh tế địa phương; thu hút lao động, tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập cho gia đình và tạo sản phẩm cho xã hội.

Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các cơ quan hữu trách cần xây dựng chính sách mời gọi các nhà đầu tư vào xây dựng các công ty, xí nghiệp nhằm thu hút và giải quyết lao động tại địa phương; đồng thời, chuẩn bị mọi điều kiện tốt nhất để có bước chuyển biến nhanh chóng khi các công trình cụm công nghiệp tại địa phương được triển khai.

Các hộ nông dân cần được khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ truyền thống giúp giải quyết công ăn việc làm trước mắt cũng như ổn định thu nhập. Các làng nghề truyền thống cần được khuyến khích đẩy mạnh hoạt động, các ngành nghề mới cũng cần được quan tâm nhằm thu hút lao động, tạo thu nhập góp phần cải thiện đời sống cho người dân. Chính sách hỗ trợ người dân về vốn hay kỹ thuật cần được chú trọng để tạo điều kiện cho họ mở rộng sản xuất có hiệu quả. Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng cũng phải thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của các hộ gia đình tham gia các ngành nghề này nhằm quản lý tốt, tránh tình trạng phát triển tự phát, không có quy hoạch và gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường.

Đối với các ngành nghề thủ công, chính quyền địa phương cần tìm kiếm thông tin cũng như phối hợp với các doanh nghiệp nhằm tìm thị trường cho sản phẩm, giúp người lao động yên tâm phát triển sản xuất.

Về thương mại dịch vụ, đề tận dụng ưu thế về vị trí địa lý là đầu mối giao thông quan trọng, chính quyền địa phương cần vận động và tạo điều kiện cho các hộ dân tham gia sản xuất kinh doanh, thu hút lao động vào lĩnh vực kinh doanh cũng như giảm dần lao động trong lĩnh vực nông nghiệp. Để gia tăng giá trị sản xuất của ngành thương mại dịch vụ, các dịch vụ đầu tư, các kênh phân phối bán lẻ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp như cung ứng vật tư, tín dụng cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cần được chú trọng.

4.2. Kết luận

Mục tiêu nghiên cứu chính là tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn phương thức sinh kế (thuần nông hay không thuần nông). Kết quả nghiên cứu dựa trên khảo sát 200 hộ gia đình thuộc 08 xã và 02 thị trấn của huyện Đơn Dương tỉnh Lâm Đồng cho thấy có 4 yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn phương thức sinh kế của người dân tại huyện Đơn Dương tỉnh Lâm Đồng. Qua đó, nghiên cứu cũng giúp các nhà hoạch định chính sách biết cần phải tác động bằng những chính sách có hiệu quả nhất. Mặc dù bài viết đã giải quyết được mục tiêu nghiên cứu, tuy nhiên chỉ dừng lại ở việc đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn phương thức sinh kế thuần nông hay không thuần nông mà chưa xem xét đến các phương thức sinh kế khác và đây chính là tiền đề cho những nghiên cứu tiếp theo về sinh kế nông thôn huyện Đơn Dương nói riêng, cũng như toàn tỉnh Lâm Đồng nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] R. Chambers and G. Conway, *Sustainable rural livelihoods: practical concepts for the 21st century*. Institute of Development Studies (UK), 1992.
- [2] D. Carney, *Sustainable Rural Livelihoods: What contribution can we make?*. Department for International Development, London, 1998.
- [3] DFID, *Sustainable livelihoods guidance sheets: Methods*. Department for International Development, UK, 2000.
- [4] N. Kanji, J. MacGregor, and C. Tacoli, *Understanding market-based livelihoods in a globalising world: combining approaches and methods*, International Institute for Environment and Development (IIED), 2005.
- [5] W. Solesbury, *Sustainable livelihoods: A case study of the evolution of DFID policy*. London: Overseas Development Institute, 2003, pp. 1-36.
- [6] L. Huang, L. Yang, T. T. Nguyen, N. Colmekcioglu, and J. Liu, "Factors influencing the livelihood strategy choices of rural households in tourist destinations," *Journal of Sustainable Tourism*, vol. 30, no. 4, pp. 875-896, 2022.
- [7] T. A. P. Hoang and X. H. Nguyen, "Livelihood of coastal fishermen in the context of climate change and extreme weather (Case study in Phu Dien commune, Phu Vang district, Thua Thien Hue province)," (in Vietnamese), *VNU Journal of Social Sciences and Humanities*, vol. 6, no. 6, pp. 625-640, 2021.
- [8] M. Wang, M. Li, B. Jin, L. Yao, and H. Ji, "Does livelihood capital influence the livelihood strategy of herdsman? Evidence from western China," *Land*, vol. 10, no. 7, p. 763, 2021.
- [9] X. Yang, S. Guo, X. Deng, and D. Xu, "Livelihood adaptation of rural households under livelihood stress: Evidence from Sichuan Province, China," *Agriculture*, vol. 11, no. 6, p. 506, 2021.
- [10] H. H. Pham, "Household livelihood development of the H'mong in Romen Commune, Damrong District, Lamdong Province," (in Vietnamese), *Dalat University Journal of Science*, vol. 9, no. 4, pp. 55-72, 2019.
- [11] M. Madajewicz, *Capital for the poor: The effect of wealth on the optimal credit contract*. Columbia University, Draft, June, 1999.
- [12] D. Van de Walle and D. Gunewardena, "Sources of ethnic inequality in Viet Nam," *Journal of Development Economics*, vol. 65, no. 1, pp. 177-207, 2001.
- [13] N. Minot and M. Ngigi, *Building on success in African agriculture: are Kenya's horticultural exports a replicable success story?*, International Food Policy Research Institute, 2004.
- [14] S. R. Khandker, Z. Bakht, and G. B. Koolwal, "The poverty impact of rural roads: Evidence from Bangladesh," *Economic Development and Cultural Change*, vol. 57, no. 4, pp. 685-722, 2009.
- [15] P. H. Dinh and T. M. T. Quach, "Model of a large field with economic, social and environmental effectiveness and policy suggestions for sustainable development," (in Vietnamese), *Journal of Economics and Development*, no. 243, pp. 52-60, 2017.
- [16] C. A. Warren, "Qualitative interviewing," in *Handbook of interview research: Context and method*, SAGE Publications, Inc, 2002, pp. 83-102.
- [17] B. Tesfaye and P. Lüdders "Diversity and distribution patterns of enset landraces in Sidama, Southern Ethiopia," *Genetic Resources and Crop Evolution*, vol. 50, no. 4, pp. 359-371, 2003.
- [18] B. Destaw, "Non-farm Employment and Farm Production of small holder Farmers: A Study in Edja District of Ethiopia," MSc Thesis, School of Graduate Studies Alemaya University, 2003, p. 137.